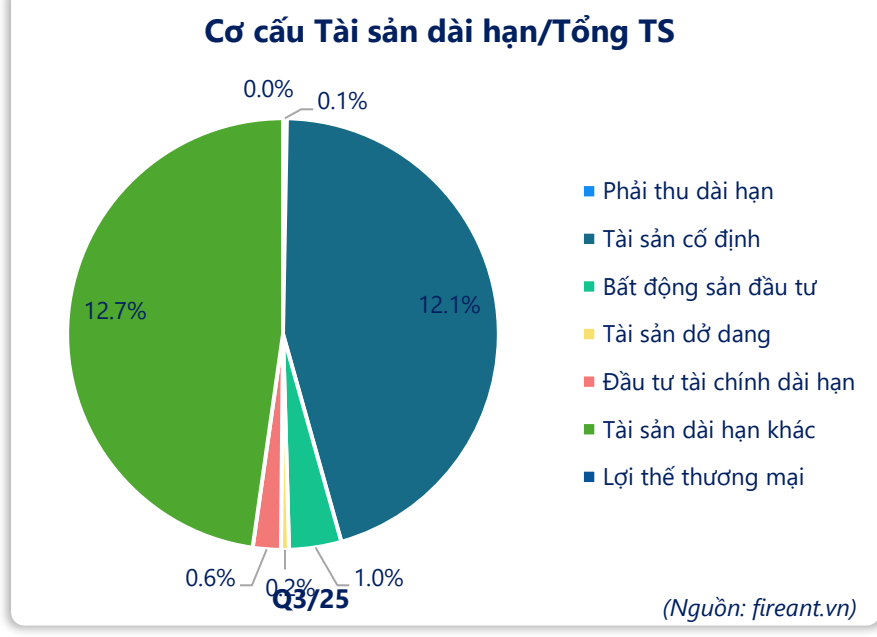
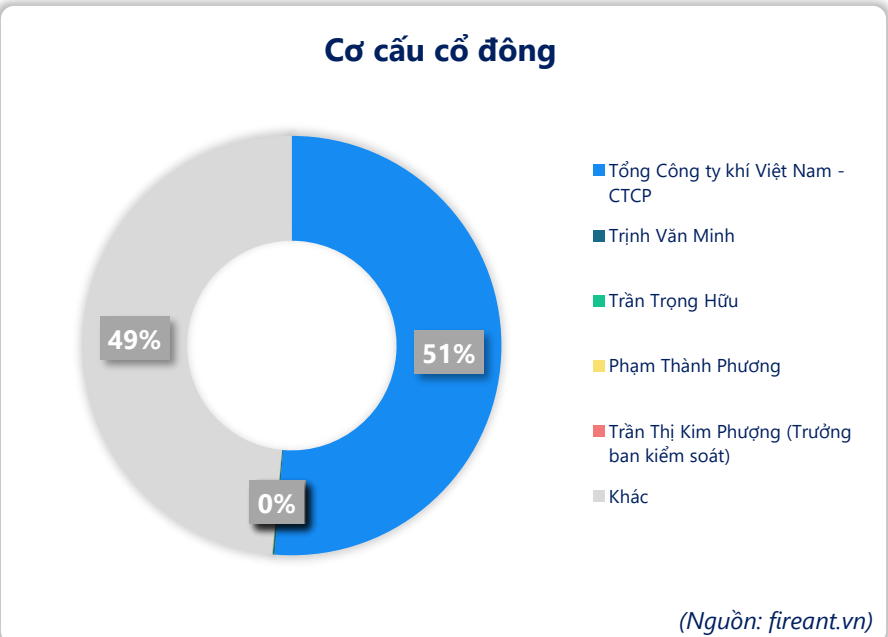
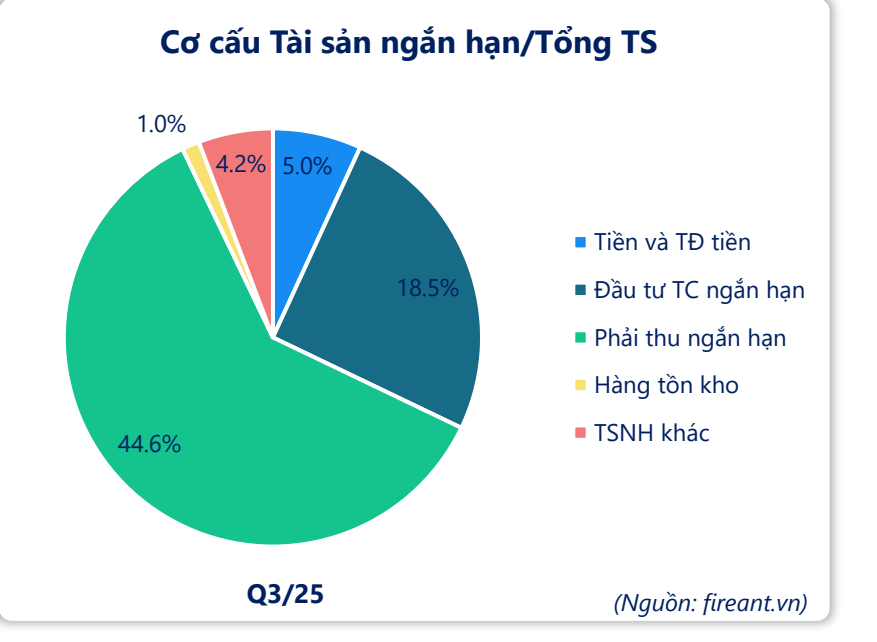
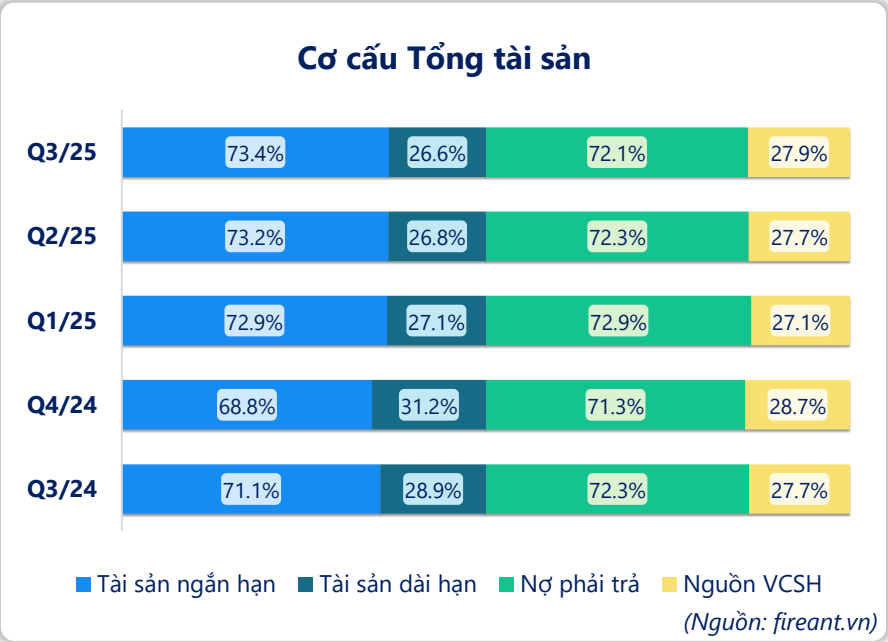
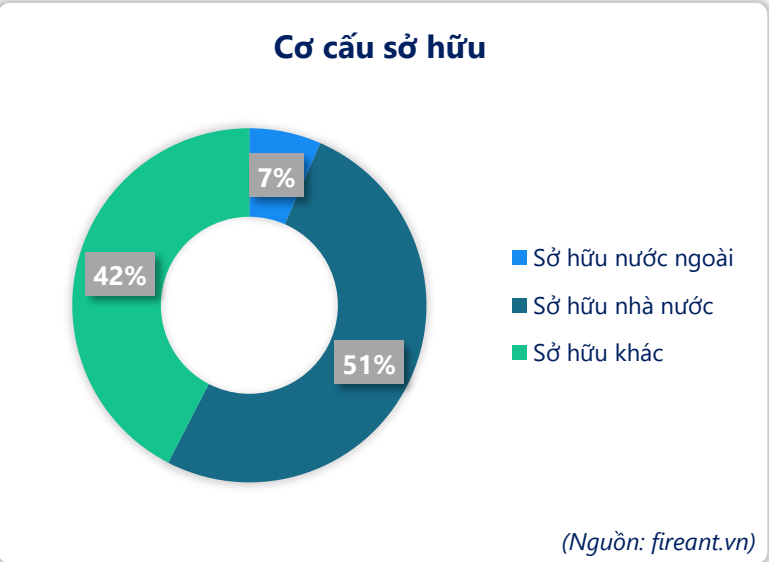
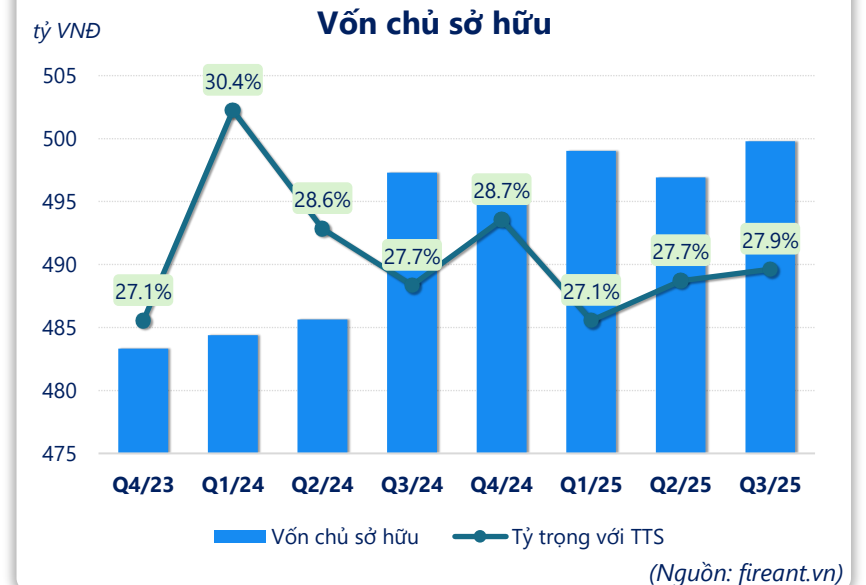
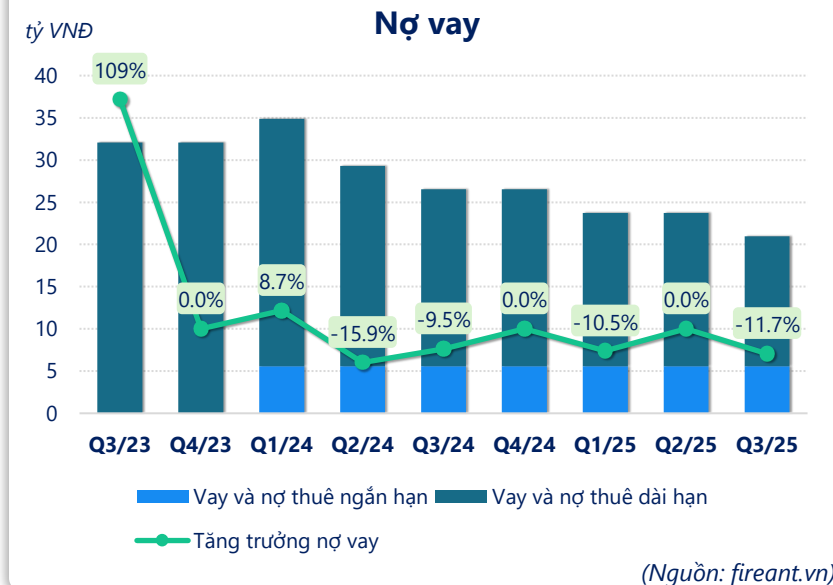
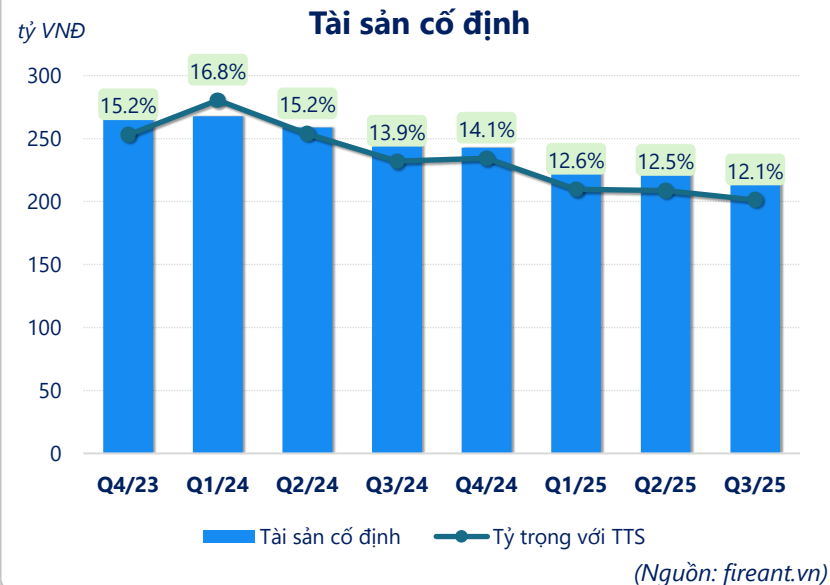
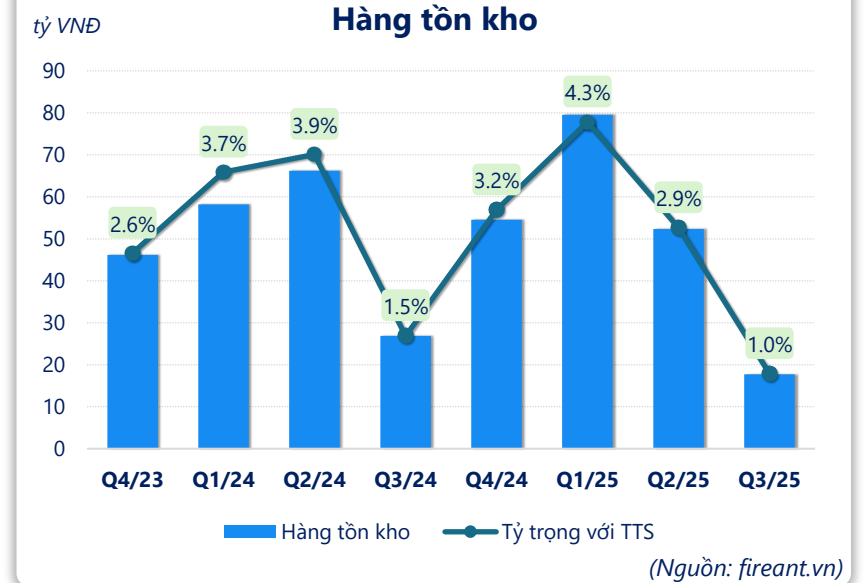
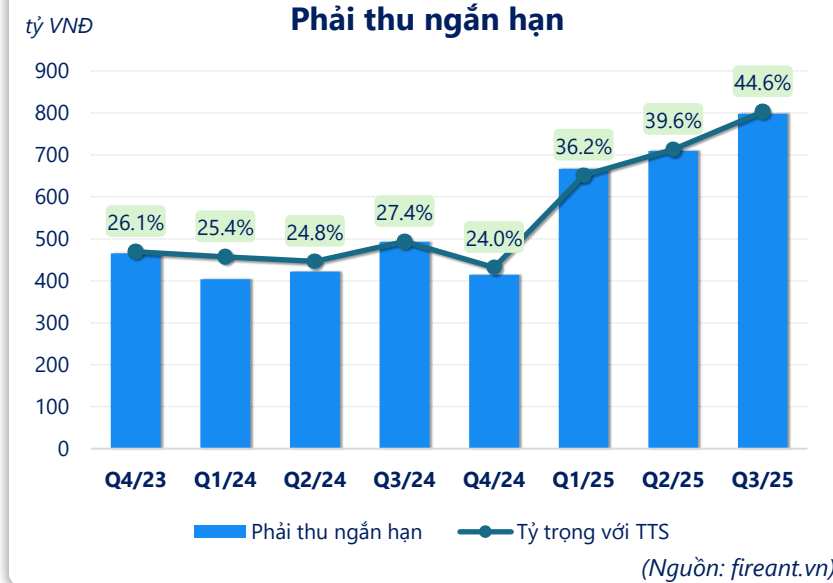
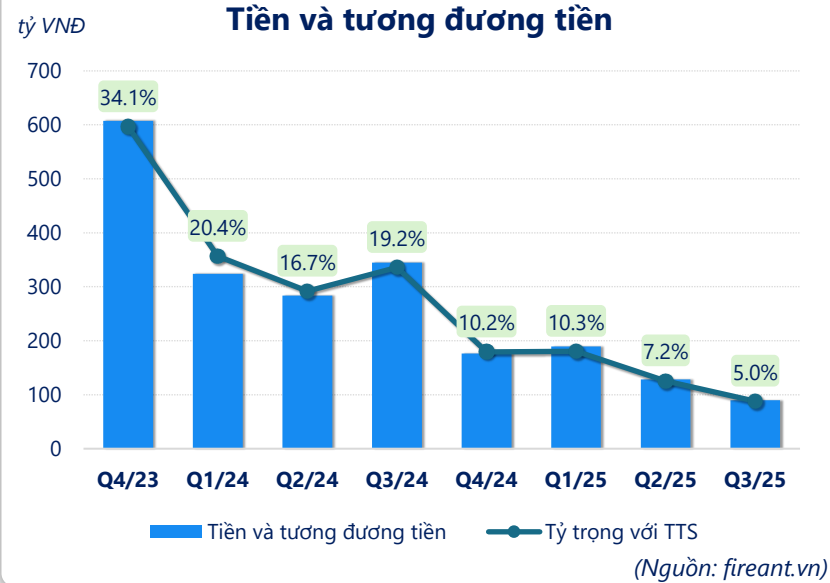
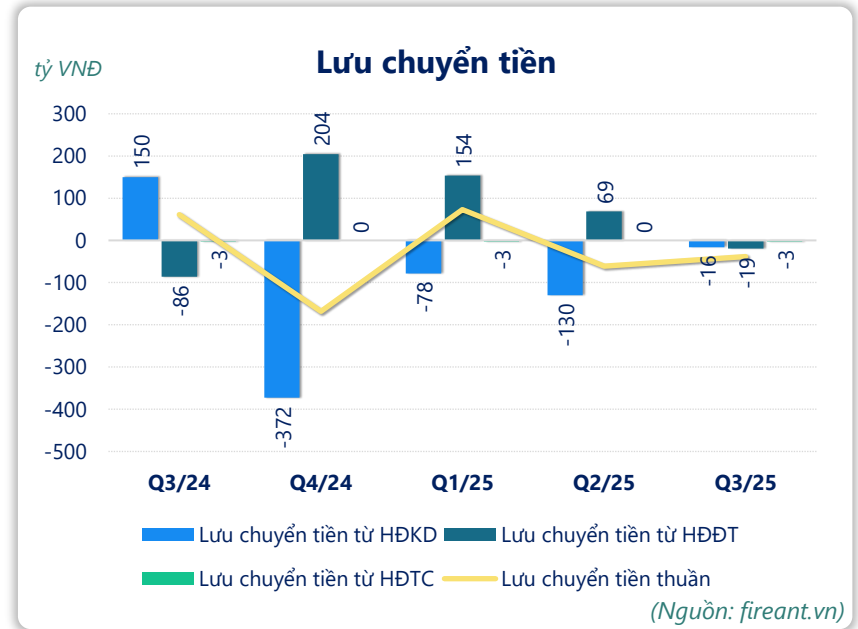
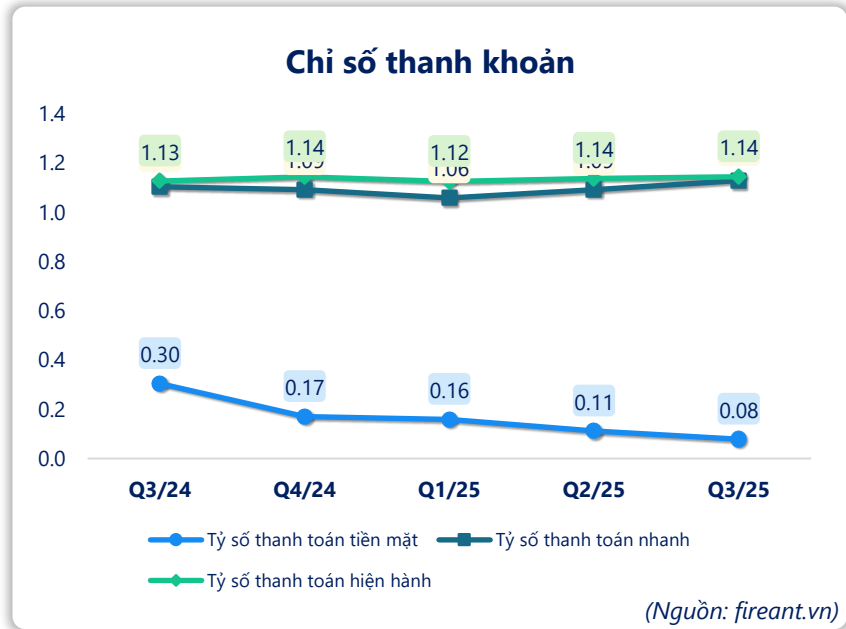
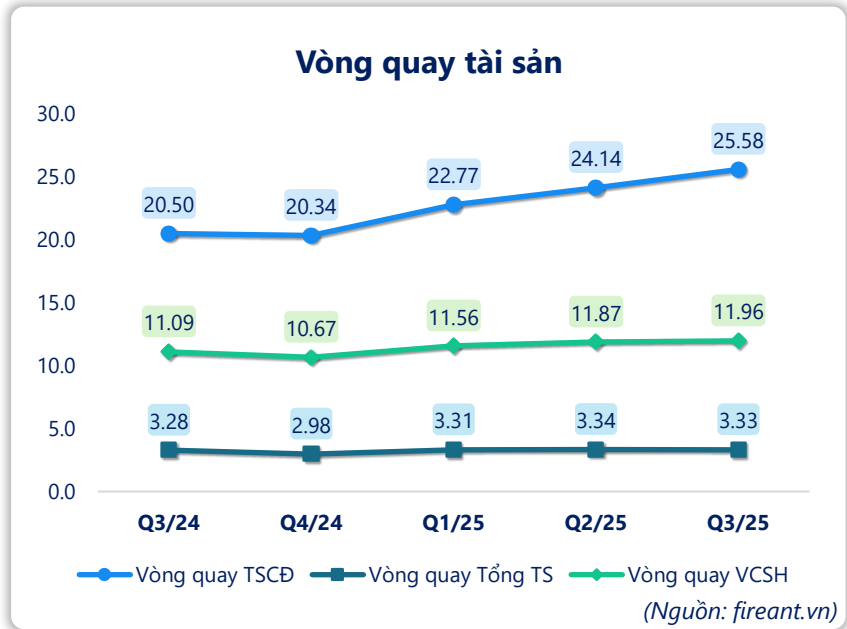
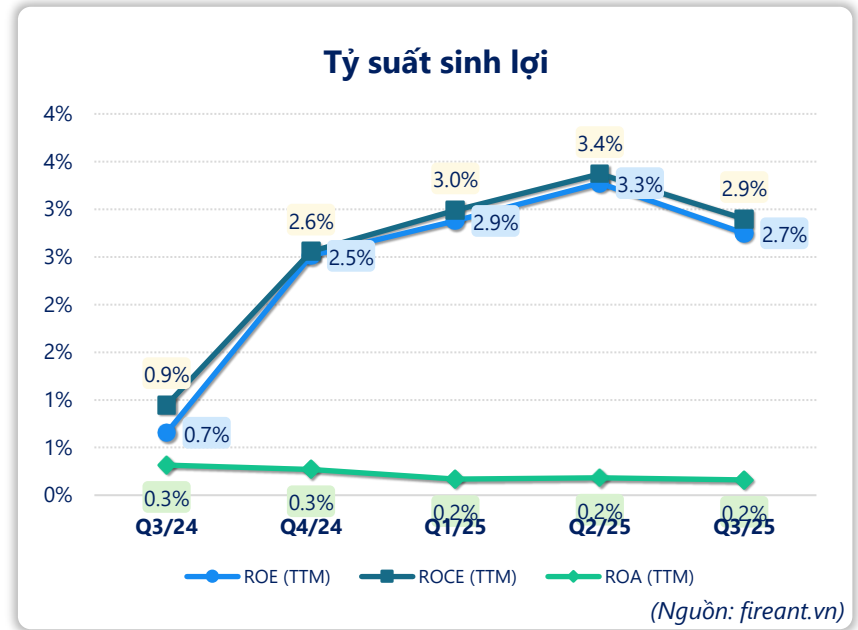
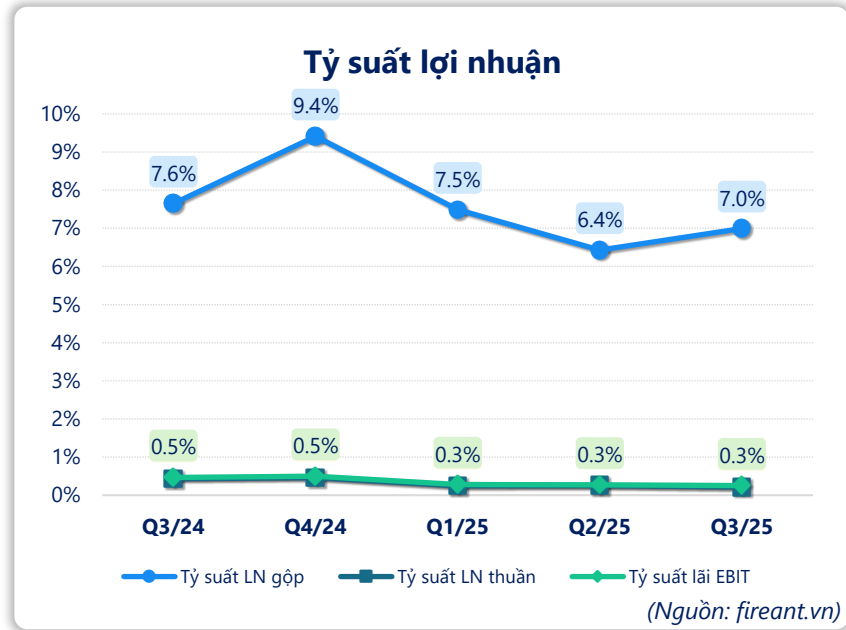
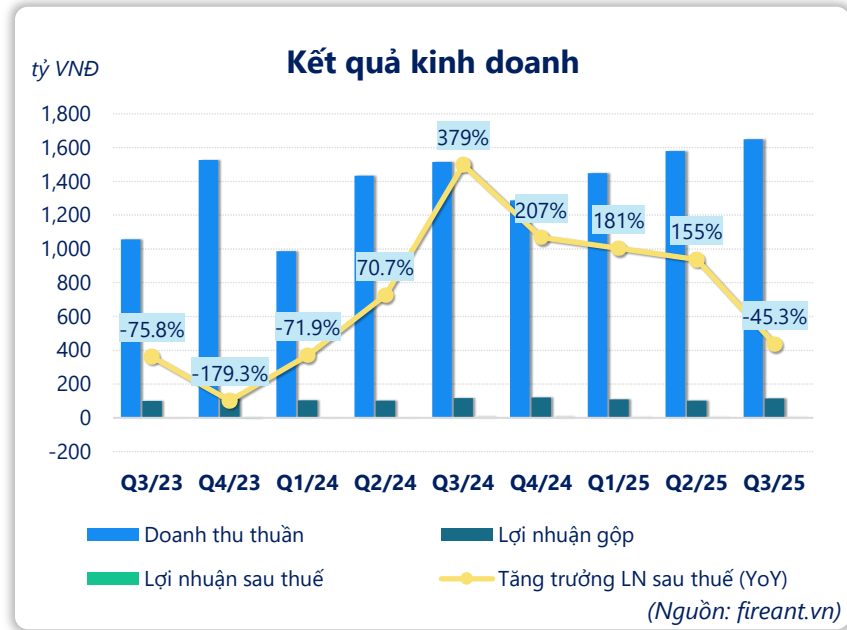


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,100
SL cổ phiếu LH		39,998,522
KLGD BQ 20 phiên (CP)		48,370
% sở hữu nước ngoài		6.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		260
P/E		19.0
EPS		342

	YTD	1T	3T	6T
PVG	-13.3%	-7.1%	-1.5%	-9.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,790	1,655	8.1%
Tài sản ngắn hạn	1,313	1,151	14.1%
Tiền và tương đương tiền	90.0	117	-22.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	332	508	-34.7%
Phải thu ngắn hạn	798	396	102%
Hàng tồn kho	17.8	20.8	-14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	75.7	110	-31.4%
Tài sản dài hạn	476	504	-5.4%
Phải thu dài hạn	1.38	0.64	117%
Tài sản cố định	216	241	-10.3%
Bất động sản đầu tư	18.6	19.3	-3.4%
Tài sản dở dang	2.85	2.69	5.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	228	230	-1.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,290	1,159	11.3%
Nợ ngắn hạn	1,148	1,001	14.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.56	5.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,091	963	13.2%
Nợ dài hạn	142	158	-10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.4	21.0	-26.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	500	496	0.7%
Vốn chủ sở hữu	500	496	0.7%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,515	1,288	1,449	1,579	1,649
Giá vốn hàng bán	1,399	1,166	1,340	1,478	1,534
Lợi nhuận gộp	116	121	108	102	115
Doanh thu HĐTC	6.52	7.08	6.66	5.72	5.62
Chi phí TC	0.54	0.49	0.46	0.30	0.57
Chi phí lãi vay	0.53	0.48	0.46	0.30	0.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	104	107	100	89.8	110
Chi phí QLDN	11.2	14.4	10.6	13.1	7.02
LN thuần từ HĐKD	6.58	5.93	3.60	4.09	3.50
Lợi nhuận khác	0.00	0.01	0	-0.11	0.10
LN trước thuế	6.58	5.94	3.60	3.98	3.60
Lợi nhuận sau thuế	5.26	4.75	2.88	3.18	2.88
LNST của CĐ cty mẹ	5.26	4.75	2.88	3.18	2.88

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	150	-372	-78.1	-130	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-85.7	204	154	68.8	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.74	0	-2.78	0	-2.78
Tiền đầu kỳ	283	345	117	190	129
Lưu chuyển tiền thuần	61.3	-168	73.0	-61.0	-38.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	345	177	190	129	90.0

(Nguồn: fireant.vn)